| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 333/2018/DS-PT
Ngày: 15/10/2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Hiệp

Bà Võ Thị Thu Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2018/QĐ-PT ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Yến E, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1968;

2. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

*Nguyên đơn chị Hồ Thị Yến E trình bày:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 là vợ chồng. Chị và vợ chồng bà N quen biết và ở cùng xóm nên chị có cho vợ chồng bà N vay 02 lần tiền như sau:

- Ngày 10/12/2015 âm lịch vay số tiền vốn là 300.000.000 đồng, lãi suất vay 1%/tháng, trả lãi hàng tháng. Khi vay, bà N hẹn đến ngày 10/3/2016 âm lịch sẽ trả lại vốn, bà N có làm biên nhận. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh cho gia đình và mua xe ôtô. Đến hẹn trả vốn nhưng bà N không có tiền để trả nên thỏa thuận để trả lãi tiếp hàng tháng. Sau khi vay bà N có trả lãi đủ đến ngày 30/12/2017 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

- Ngày 10/8/2016 âm lịch vay số tiền vốn là 500.000.000 đồng, lãi suất vay là 1%/tháng, trả lãi hàng tháng. Khi vay bà N hẹn đến ngày 10/11/2016 âm lịch sẽ trả lại vốn, bà N có làm biên nhận. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh cho gia đình và mua đất. Đến hẹn trả vốn nhưng bà N không có tiền để trả nên thỏa thuận để trả lãi tiếp hàng tháng. Sau khi vay bà N có trả lãi đủ đến ngày 30/12/2017 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

Tổng cộng bà N và ông N1 vay số tiền vốn là 800.000.000 đồng. Chị có đòi nhiều lần nhưng bà N và ông N1 không trả. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 phải trả cho chị số tiền vốn vay 800.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:* Bà và chị Yến E có quan hệ quen biết, lối xóm nên bà có vay tiền của chị Yến E nhiều lần. Bà bắt đầu vay khoảng 05 năm trước, lần đầu tiên vay 50.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/tháng, trả lãi hàng tháng, có làm giấy nợ do chị Yến E giữ. Sau đó lãi chồng chất nên tổng nợ là 300.000.000 đồng, bà có làm biên nhận nợ cho chị yến E vào ngày 10/12/2015 âm lịch và có ký tên. Hai bên thống nhất tính lãi tiếp 6%/tháng trên số tiền vốn 300.000.000 đồng. Sau đó tính lãi cộng dồn với vốn tính đến ngày 10/8/2016 âm lịch là 500.000.000 đồng, nên bà có làm biên nhận nợ chị Yến E 500.000.000 đồng, nhưng không có lấy lại biên nhận cũ 300.000.000 đồng. Bà vay tiền để làm vốn mua bán, đóng hụi và chi tiêu trong gia đình. Khi vay và làm biên nhận nợ thì chỉ có bà và chị Yến E, không có ai chứng kiến. Sau đó, bà có đóng lãi tiếp đến tháng 02/2018 âm lịch thì ngưng cho đến nay do không có khả năng trả, việc trả lãi không có giấy tờ gì. Nay chị Yến E yêu cầu bà trả 800.000.000 đồng bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả cho chị Yến E số tiền 500.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Lê Văn N1 trình bày:* Ông là chồng bà Nguyễn Thị Mỹ N. Ông có quan hệ lối xóm với chị Yến E nên có quen biết. Từ trước đến nay ông không có vay tiền của chị Yến E mà do vợ ông trực tiếp vay, ông không biết, đến khi tài sản trong nhà thất thoát ông có hỏi vợ ông thì mới biết vợ

ông vay tiền của chị Yến E. Khoảng giữa tháng 01/2018 âm lịch ông có hỏi chị Yến E số nợ vợ ông thiếu bao nhiêu, chị Yến E nói là 28.000.000 đồng, nên ông đã trả cho chị Yến E 28.000.000 đồng, có làm biên nhận. Khoảng 01 tháng sau, chị Yến E nói vợ ông thiếu 200.000.000 đồng và sau đó khoảng 15 ngày thì chị Yến E đòi trả 500.000.000 đồng, nếu không trả thì sẽ khởi kiện đòi 800.000.000 đồng. Việc vợ ông vay tiền để làm gì thì ông không biết. Nay chị Yến E yêu cầu trả 800.000.000 đồng ông không đồng ý vì ông không có vay mượn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Hồ Thị Yến E yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê văn N1 phải trả cho chị số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần Ny khi án có hiệu lực pháp luật; anh Nguyễn Hoàng A là đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 chỉ đồng ý trả cho chị Hồ Thị Yến E số tiền số tiền vốn là 500.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Yến E.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 phải trả cho chị Hồ Thị Yến E số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả một lần Ny sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 137, Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 06/8/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 08/10/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung án sơ thẩm xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 800.000.000 đồng theo 02 biên nhận vay ngày 10/12/2015 Al số tiền 300.000.000 đồng và biên nhận vay ngày 10/8/2016 Al số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ vì bị đơn không chứng minh được chứng cứ mới đã trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng của biên nhận vay ngày 10/12/2015 Al, nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Hồ Thị Yến E căn cứ vào 02 biên nhận nợ: biên nhận ngày 10/12/2015 Al bà Nguyễn Thị Mỹ N mượn tiền của chị E 300.000.000 đồng, hứa đến ngày 10/3/2016 Al sẽ trả hết số tiền cho chị Yến E (BL 66) và biên nhận ngày 10/8/2016 Al bà N mượn của chị E 500.000.000 đồng, hứa trong vòng 3 tháng sẽ hoàn trả hết số tiền đã mượn của chị Yến E (BL 65). Cả 02 biên nhận nợ đều không ghi có việc trả lãi. Chị Yến E yêu cầu bà N và ông Lê Văn N1 phải trả cho chị Yến E 800.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ N chỉ thừa nhận còn nợ chị E 500.000.000 đồng, bà N cho rằng số tiền này là số tiền vay từ biên nhận nợ ngày 10/12/2015 Al và tiền lãi cộng dồn, đồng thời bà N có mượn thêm một số tiền nữa đến ngày 10/8/2016 Al tổng cộng là 500.000.000 đồng.

[3] Xét việc bà N vay nợ của của chị Yến E, bà N đều có làm giấy biên nhận nợ: Ngày 10/12/2015 Al vay 300.000.000 đồng, hứa đến ngày 10/3/2016 Al sẽ trả hết số tiền cho chị Yến E và ngày 10/8/2016 Al bà N vay 500.000.000 đồng, hứa trong vòng 3 tháng sẽ hoàn trả hết số tiền đã vay của chị Yến E. Trong 02 biên nhận vay không thể hiện vay có lãi, nhưng chị Yến E và bà N đều trình bày thống nhất chị Yến E cho bà N vay có lãi, chị Yến E và bà N

không thống nhất về lãi suất cho vay. Chị Yến E trình bày cho vay với lãi suất 1%, còn bà N thì cho rằng vay lãi suất 6%. Căn cứ vào thỏa thuận thời hạn trả lại tiền vay ghi trong giấy nhận nợ của bà N ngày 10/12/2015 Al và ngày 10/8/2016 Al thì 02 lần vay tiền của bà N đều vi phạm hợp đồng. Chị Yến E yêu cầu bà N phải trả tiền 02 lần vay là 800.000.000 đồng. Bà N cho rằng chỉ vay của chị Yến E 500.000.000 đồng ngày 10/8/2016 Al từ số tiền vay 300.000.000 đồng ngày 10/12/2015 Al và lãi cộng dồn nên chỉ đồng ý trả cho chị Yến E 500.000.000 đồng.

[4] Xét chị Yến E trình bày cho bà N vay của chị 02 lần tiền là 300.000.000 đồng và 500.000.000 đồng, tổng cộng 800.000.000 đồng là có cơ sở, vì chị Yến E vẫn còn giữ 02 giấy biên nhận nợ của bà N do chính bà N thừa nhận ký tên vay nợ của chị Yến E vào 02 biên nhận nợ này.

[6] Bà N cho rằng chỉ vay của chị Yến E 500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/8/2016 Al, biên nhận nợ 300.000.000 đồng ngày 10/12/2015 Al bà N đã trả xong cho chị Yến E, không được chị Yến E thừa nhận. Bà N cung cấp chứng cứ cho Tòa án cấp sơ thẩm đoạn băng ghi âm ghi hình ngày 24/4/2018 tại nhà bà N đã được Tòa án sơ thẩm công khai tại phiên tòa. Qua nghiên cứu đoạn băng này thì thể hiện các đương sự chỉ trao đổi về việc trả số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 10/8/2016 Al, không có đề cập đến số tiền 300.000.000 đồng bà N vay của chị Yến E ngày 10/12/2015 Al.

Việc không đề cập đến số tiền bà N vay ngày 10/12/2015 Al cũng phù hợp với đoạn băng ghi âm ngày 07/4/2018 do chị Yến E cung cấp cũng được công khai tại phiên tòa sơ thẩm có đoạn: Chị Yến E nói "Năm trăm triệu chị trả nổi hổng lẽ số tiền còn lại nhiêu đó chị giật E". Bà N nói "Ừ".

Chị Yến E nói: "Bây giờ chị trả trước 500.000.000 cho E, số tiền còn lại E cho chị năm ba bữa trả một triệu, hai triệu cho đến hết". Bà N nói "Ừ".

Như vậy có căn cứ xác định bà N chưa trả số tiền 300.000.000 đồng bà N vay của chị Yến E ngày 10/12/2015 Al. Tổng cộng bà N vay của chị Yến E 02 lần tiền là 800.000.000 đồng. Việc bà N vay tiền của chị Yến E về sử dụng trong sinh hoạt và kinh doanh của gia đình, ông N1 cũng thừa nhận có trả nợ cho chị Yến E 28.000.000 đồng lúc chị Yến E đến đòi tiền bà N còn nợ chị Yến E (BL 19), nên ông N1 cùng có nghĩa vụ với bà N trả số tiền vay của chị Yến E là 800.000.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Yến E, buộc bà N và ông N1 phải trả cho chị Yến E 800.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

Bà N và ông N1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Do đó không chấp nhận yên cầu kháng cáo của bà N và ông N1.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà N và ông N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463 và 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Yến E.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 phải trả cho chị Hồ Thị Yến E số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Thực khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Hồ Thị Yến E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 137, Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn N1 phải chịu 36.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà N và ông N1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 19435 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại chị Hồ Thị Yến E 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 19202 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSDN tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Hiếu**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp** **Võ Thị Thu Thúy** **Huỳnh Hiếu**